

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THAN VÀNG DANH - VINACOMIN** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2021/NQ-HĐQT

Uông Bí, ngày 15 tháng 4 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin ngày 15 tháng 4 năm 2021.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Quy chế quản lý cán bộ trong Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

**Điều 2.** Thông qua Quy chế quản lý An toàn - Vệ sinh lao động trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

**Điều 3.** Chưa thông qua Quy chế dân chủ ở cơ sở tại Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin, chờ sau khi TKV ban hành Quy chế thì Công ty thực hiện.

**Điều 4.** Phê duyệt Quỹ lương thực hiện năm 2020 và Kế hoạch lao động tiền lương năm 2021 của Công ty.

1. Quỹ lương thực hiện năm 2020 của Công ty

a) Quỹ lương thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch ĐC năm 2020	Thực hiện năm 2020
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b>			
1	Tổng sản phẩm quy đổi về than tiêu thụ	Tấn	2.834.116	2.910.852
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	4.354.658	4.494.198
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	3.204.028	3.326.524
4	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	929.829	953.801
5	Lợi nhuận	Tr.đồng	62.608	75.632
6	NSLĐ tính quy đổi về SL than tiêu thụ	Tấn/ng-năm	495,2	525,0
7	Than nguyên khai	Tấn	3.275.000	3.285.667



8	Mét lò đào mới	Mét	33.800	34.012
9	Bóc xúc đất đá lộ thiên	M3	715.000	714.192
10	Hệ số mét lò đào CBSX	M/1000T	11,60	11,63
11	Hệ số bóc đất đá lộ thiên	M3/Tấn	6,81	6,80
12	Than tiêu thụ	Tấn	2.820.000	2.843.277
<b>II</b>	<b>Lao động, tiền lương</b>			
1	Lao động bình quân	Người	5.723	5.545
2	Tiền lương bình quân	1000đ/ng-th	15.844	16.412
3	Đơn giá tiền lương (không bao gồm quỹ lương người quản lý Công ty)	Đồng/1000đ DT	270,4	270,4
4	Quỹ lương	Tr.đồng	1.088.022	1.092.043
	Trong đó: Lương người quản lý công ty	“	3.348,0	4.017,6

b) Quỹ lương thực hiện của Người quản lý Công ty

Năm 2020 lợi nhuận thực hiện là 75,632 tỷ đồng bằng 120,8% so với lợi nhuận kế hoạch (62,608 tỷ đồng). Căn cứ vào Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH: Công ty bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, nộp ngân sách theo quy định, năng suất lao động bình quân thực hiện không thấp hơn kế hoạch và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng tối đa không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch. Tiền lương thực hiện của người quản lý của các công ty năm 2020 sẽ tính bằng mức lương kế hoạch nhân với 1,2 và tổng quỹ lương thực hiện của người quản lý công ty năm 2020 là: 4.017.600.000 đồng (Cụ thể từng người có biểu chi tiết kèm theo).

c) Thù lao kiêm nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty

Thù lao kiêm nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty áp dụng trả mức tối đa là 20% mức tiền lương cơ bản của người quản lý chuyên trách tương ứng và bằng 396.0000.000 đồng (Cụ thể từng thành viên có biểu chi tiết kèm theo).

## 2. Kế hoạch lao động, tiền lương năm 2021

a) Quỹ lương của người lao động

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2020		Kế hoạch năm 2021
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b>				
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)	Tấn	2.834.116	2.910.852	2.756.130
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	4.354.658	4.494.198	5.040.977



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2020		Kế hoạch năm 2021
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	3.204.028	3.326.524	3.950.960
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	62.608	75.632	56.148
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	929.829	953.801	951.684
<b>II</b>	<b>Tiền lương</b>				
1	Lao động kế hoạch (Không bao gồm NQL Công ty)	Người	5.715		5.596
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân (Không bao gồm NQL công ty)	Người		5.537	
3	Mức tiền lương bình quân theo HĐLĐ	10 <sup>3</sup> đ/tháng	6.573	6.334	6.334
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	10 <sup>3</sup> đ/tháng	15.816		15.346
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	10 <sup>3</sup> đ/tháng		16.375	
6	NSLĐ theo tổng sản phẩm tiêu thụ	Tấn/năm	495,2	525,0	491,8
7	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tr.đồng	1.084.674		1.030.521
8	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng		1.088.025	
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr.đồng	24.191	21.450	33.786
10	Thu nhập bình quân (theo LĐ SDBQ)	10 <sup>3</sup> đ/tháng	16.169	16.698	15.849

b) Quỹ lương của người quản lý công ty chuyên trách

Mức lương cơ bản kế hoạch của người quản lý Công ty áp dụng theo Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của TKV và điều chỉnh mức tăng lợi nhuận theo quy định tại Tiết a Khoản 2 Điều 6 Nghị định 53/2016/NĐ-CP “... Trường hợp công ty có lợi nhuận kế hoạch từ 50 tỷ đồng trở lên thì áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương so với mức lương cơ bản như sau: a) Hệ số điều chỉnh tăng thêm tối đa bằng 0,5 đối với công ty có lợi nhuận từ 50 tỷ đến dưới 100 tỷ đồng” cụ thể chức danh như sau:

Số TT	Chức Danh	Số người	Lương bình quân (Tr.đ/tháng)	Lương năm (Tr.đ)	Tạm ứng hằng tháng 80% (Tr.đ)
1	Giám đốc công ty	1	39,0	468,0	31,2
2	Trưởng Ban Kiểm soát	1	36,0	432,0	28,8
3	Phó Giám đốc công ty	5	34,5	2.070,0	27,6
4	Kế toán trưởng	1	31,5	378,0	25,2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8</b>	<b>34,9</b>	<b>3.348,0</b>	



Hàng tháng Công ty trả ứng trước 80% mức tiền lương kế hoạch tháng, số còn lại căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty sẽ quyết toán chi trả vào cuối năm theo quy định hiện hành.

Trường hợp trong năm có sự biến động tăng hoặc giảm số người quản lý so với kế hoạch thì khi quyết toán quỹ tiền lương thực hiện Công ty sẽ điều chỉnh quỹ tiền lương tăng hoặc giảm tương ứng.

c) Thù lao các thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm:

Căn cứ điểm a Khoản 1 điều 14 của Quyết định số 2338/QĐ-TKV ngày 31/12/2020 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn: Mức thù lao được tính theo công việc và thời gian làm việc, nhưng không vượt quá 20% mức lương cơ bản của người quản lý chuyên trách tương ứng với quy định tại Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 23/02/2017 của Tập đoàn; Khi TKV điều chỉnh mức lương cơ bản của người quản lý thì mức thù lao điều chỉnh tương ứng; Do đó năm 2021 Công ty thực hiện trả thù lao đối với thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát theo đúng quy định này và mức cụ thể như sau:

Số TT	Chức Danh	Số người	Thù lao Kế hoạch tháng (Tr.đ/ng)	Thù lao Kế hoạch năm (Tr.đ)	Mức tạm ứng tháng 80% (Tr. Đ)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	5,4	64,8	4,3	
2	Thành viên HĐQT	4	4,6	220,8	3,7	
3	Trưởng Ban Kiểm soát					
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	4,6	110,4	3,7	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7</b>		<b>396,0</b>		

Hàng tháng các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát được tạm ứng 80% mức thù lao kế hoạch, đối với người là người của Cơ quan TKV thì hàng quý Phòng KT chuyển vào tài khoản của TKV theo điểm b khoản 2 Điều 14 Quyết định số 2338/QĐ-TKV ngày 31/12/2020 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn và số còn lại được Công ty quyết toán và chi trả vào cuối năm;

Trường hợp thực hiện có sự biến động tăng hoặc giảm số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát so với kế hoạch thì khi quyết toán thù lao thực hiện sẽ điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng.

d) Kế hoạch sử dụng lao động (Có biểu chi tiết kèm theo)

đ) Kế hoạch tuyển lao động:

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1. Tổng số lao động tại thời điểm 01/01/2020	Người	5.431	
2. Tổng số lao động dự kiến giảm trong năm	Người	473	



Tr. đó: - Nghỉ hưu	“	74	
- Chăm dút HĐLĐ, ...	“	399	
3. Tổng số lao động cần sử dụng trong năm	Người	5.604	
4. Số lao động cần tuyển bổ sung	Người	626	
Tr. đó: - Thay thế nghỉ hưu	“	74	
- Thay thế một phần lao động CDHĐLĐ	“	399	
- Bổ sung cho năm kế hoạch	“	153	
5. Đối tượng lao động dự kiến tuyển	Người	626	
- Nghề Khai thác, đào lò trong hầm lò	“	475	
- Nghề cơ điện hầm lò	“	138	
- Nghề sửa chữa, vận hành máy sàng tuyển	“	3	
- Một số ngành, nghề đặc thù khác để đáp ứng yêu cầu SXKD của công ty	“	10	
6. Học sinh KT, CD dự kiến về thực tập sản xuất bình quân năm	Người	418	
7. Tuyển sinh gửi đi đào tạo nghề khai thác, đào lò và cơ điện hầm lò	Người	350	
Trong đó: Đào tạo nghề khai thác	“	300	
Đào tạo nghề cơ điện hầm lò	“	50	
8. Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2021 phần đầu	Người	5.386	Theo CV 551/TKV-TCNS

## e) Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng (người)	Số tiền (Tr.đ)	Ghi chú
<b>I. Đào tạo, bồi dưỡng CNKT</b>	<b>Lượt người</b>	<b>2.615</b>	<b>19.733</b>	
1. Hợp đồng đào tạo mới Công nhân kỹ thuật (do trường CD nghề than-TKV đào tạo)	Người	565	17.973	
2. Bồi dưỡng CNKT	Lượt người	2.050	1.759	
<b>II. Đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ</b>	<b>Người</b>	<b>376</b>	<b>2.759</b>	
1. Đào tạo cán bộ	“	61	785	
2. Bồi dưỡng cán bộ	“	315	1.974	

<b>III. Chi phí khác</b>			<b>4.222</b>	
<b>Cộng</b>		<b>2.991</b>	<b>26.714</b>	

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung trên, sau khi được Đại hội đồng thông qua là cơ sở để triển khai thực hiện.

**Điều 5.** Thông qua phương án Chế biến, tiêu thụ than khai thác tầng lò bằng còn tồn kho trước năm 2021, như sau:

1. Công ty Cổ phần Xây dựng và Xi măng Quảng Ninh:

Tổng số than sạch chế biến tiêu thụ : 54.199 tấn

*trong đó:*

- Than cám 5a.3 : 2.800 tấn;
- Than cám 5b.3 : 36.399 tấn;
- Than cám 6a.3 : 4.000 tấn;
- Than cám 6b.3 : 11.000 tấn.

2. Trường cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam:

Tổng số than sạch chế biến tiêu thụ : 11.070,6 tấn

*trong đó:*

- Than cám 6a.3 : 2.194,45 tấn;
- Than cám 6b.3 : 8,781,15 tấn.

3. Giao cho Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục để gia hạn Hợp đồng đối với Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh, Trường Cao đẳng Than - Khoáng Sản Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật và Hướng dẫn của Tập đoàn TKV để chế biến, tiêu thụ.

**Điều 6.** Thông qua công tác cán bộ của Công ty

1. Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Văn Dũng;

2. Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng Đồi sống đối với bà Nguyễn Thị Hồng Duyên.

3. Thông qua danh sách quy hoạch cán bộ chủ chốt các đơn vị trong Công ty giai đoạn 2020 - 2025, sau rà soát bổ sung năm 2021, trong đó:

- Trưởng phòng : 34 người
- Quản đốc : 78 người

(theo danh sách kèm theo)



Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng ban chuyên môn hoàn thiện hồ sơ bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc và gửi hồ sơ về TKV theo quy định. Tổ chức công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật đảm bảo tiến độ.

**Điều 7.** Thông qua kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 của Công ty.

Tổng số : 49,37 tỷ đồng

trong đó:

- Quỹ khen thưởng: 29,97 tỷ đồng;

- Quỹ phúc lợi : 19,4 tỷ đồng

(Có biểu chi tiết kèm theo)

**Điều 8.** Thống nhất Báo cáo về công tác chuẩn bị, phân công nhiệm vụ các thành viên báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

**Điều 9.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết đảm bảo tiến độ, đúng quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Đảng ủy Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Giám đốc, Phó Giám đốc, KTr;
- Các đơn vị trong Công ty;
- Lưu: VT; HĐQT (H).



**CHỦ TỊCH**

**Phạm Công Hương**

Số: 568 /QĐ-TVD

Uông Bí, ngày 15 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc bổ nhiệm lại cán bộ**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH-VINACOMIN**

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin;*  
*Căn cứ Quy chế quản lý cán bộ của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam;*  
*Căn cứ Quy chế quản lý cán bộ của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin;*  
*Căn cứ Hệ thống Thang lương, Bảng lương, và chế độ phụ cấp lương của Công ty;*  
*Căn cứ Nghị quyết của Ban thường vụ Đảng ủy Công ty họp tháng 3/2021 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, họp tháng 4 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Văn Dũng - Số danh bạ: 11264, giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin, kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2021. Công việc làm: Người quản lý Công ty và theo phân công nhiệm vụ của Giám đốc Công ty.

**Điều 2.** Lương của ông Nguyễn Văn Dũng được xếp như cũ, Bậc: 2/2; Mức lương: 12.861.000 đồng; Bảng lương: TKV 08.4.

**Điều 3.** Thời hạn giữ chức vụ của ông Nguyễn Văn Dũng là 05 năm kể từ ngày bổ nhiệm lại. Văn phòng Công ty theo dõi chăm công, Công ty trả lương theo quy định hiện hành.

**Điều 4.** Ông Nguyễn Văn Dũng; Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty; các Thủ trưởng đơn vị trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Tập đoàn TKV (báo cáo);
- Đảng ủy Công ty (e-copy để b/c);
- Công đoàn, Đoàn T.N Công ty (e-copy);
- Lưu hồ sơ cá nhân, VP, TCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Công Hương